

1. Look and circle the correct word. (Nhìn tranh và khoanh tròn vào từ đúng)



1. We / He



2. It / They



3. He / She



4. We / She



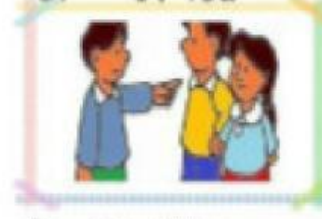
5. I / You



6. She / We



7. They / He



8. We / You



9. It / They

2. Look. Choose and write. Nhìn, chọn và viết từ tương ứng the tranh.

I

He

She

You

It

1.



_____ is a duck.

2.



_____ am a student.

3.



_____ is a farmer.

4.



_____ is a bag.

5.



_____ is a singer.

6.



_____ are students.

7.



_____ is a house.

8.



_____ is a teacher.

3. Look and circle the correct word. Nhìn và khoanh tròn vào từ đúng.

 He It She	 It You They	 We You She	 It He We
 You He She	 He You She	 We They She	 You It He
 It He She	 We He It	 It We She	 They He We
 It They You	 They He She	 We He She	 It He We

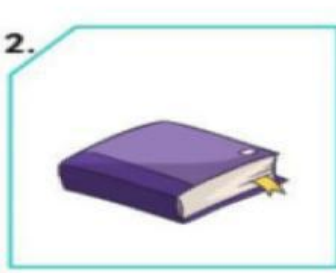
4. Look and circle. Nhìn và khoanh vào đại từ tương ứng

 It He She 1. _____ is a car.	 It You She 2. _____ is a singer.	 We He She 3. _____ are friends.
 He It She 3. _____ is a postman.	 It They She 4. _____ are birds.	 I It He 6. _____ am a pupil.
 It You She 7. _____ is an orange.	 We It She 8. _____ are a pupil.	 It They I 9. _____ are pencils.

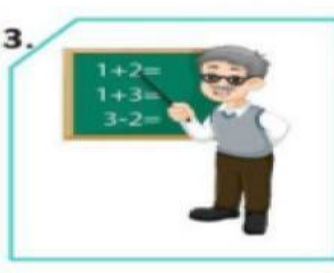
5. Look and write .Nhìn và viết đại từ tương ứng.



_____ is a singer.



_____ is a book.



_____ is a teacher.



_____ are my friend.



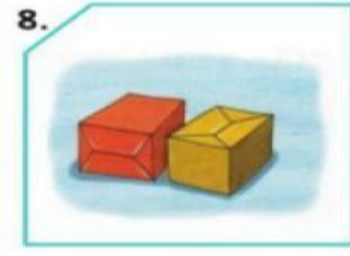
_____ is a vet.



_____ am a driver.



_____ is a hospital.



_____ are boxes.

8. Write he, she, it, we, you, they. Viết các đại từ tương ứng

1. Sophia => _____

2. Dogs => _____

3. I and Lisa => _____

4. Mother => _____

5. Mark and I => _____

6. Lily and Tom => _____

7. Mother and father => _____

8. Car => _____

9. Book => _____

10. Father => _____

10. Read and write pronoun. (Đọc và viết đại từ nhân xưng tương đương)

1. Mary and I _____

7. Quan and Lan _____

2. mother _____

8. John _____

3. Peter _____

9. Min and I _____

4. dogs _____

10. car _____

5. book _____

11. pencils _____

6. You and Mai _____

12. Linda _____